

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/DS-PT

Ngày: 05/5/2026

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Vượng.

Bà Phan Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huệ - Thẩm tra viên- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2026/TLPT-DS ngày 04/02/2026 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST, ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXX-PT ngày 20/03/2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 15/2026/QĐ-PT, ngày 14/4/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Xa C, sinh năm 1953, ông Phan Sin N, sinh năm 1955, cùng địa chỉ: bản S, xã K, tỉnh Lai Châu, bà C có mặt, ông N vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Chín H, sinh năm 1975, địa chỉ bản H, xã K, tỉnh Lai Châu, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu; đại diện theo pháp luật ông Đỗ Văn Q- Chủ tịch; địa chỉ: xã K, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

3.2. Chị Lý Xa L1, sinh năm 1989; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Lò Văn C1, sinh năm 1968, địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

4.2. Bà Lò Tả M, sinh năm 1961, địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phàn Xa C và ông Phàn Sìn N1

Vụ án còn 09 hộ gia đình là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn C2 (Lò A), sinh năm 1964 và bà Vàng Xa K, sinh năm 1970; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu; Ông Vàng Văn P, sinh năm 1948 và bà Lý Xa D, sinh năm 1951; địa chỉ cuối cùng bản L, xã K, tỉnh Lai Châu (ông P đã chết, bà D không rõ địa chỉ; Ông Tấn Kin S, sinh năm 1976 và bà Lý Xa M1, sinh năm 1978; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu; Ông Phàn Dâu L2, sinh năm 1977 và bà Lý Xa N2, sinh năm 1977; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu; Ông Lý A P1, sinh năm 1958 và bà Tấn Xa C3, sinh năm 1962; địa chỉ cuối cùng bản L, xã K, tỉnh Lai Châu (xác minh trường bản hiện không rõ địa chỉ); Ông Lò Văn L3, sinh năm 1975 và bà Tấn Xa N3, sinh năm 1977; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu; Ông Lò Văn Q1, sinh năm 1973 và bà Giàng Lở M2, sinh năm 1974; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu; Ông Lý Quang L4, sinh năm 1968 và bà Tấn Lở M3, sinh năm 1968; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu; Ông Tấn Chín S1, sinh năm 1966 và bà Lò Tả M, sinh năm 1966; địa chỉ bản L, xã K, tỉnh Lai Châu) nhưng quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến, không liên quan đến kháng cáo nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại khởi kiện, quá trình giải quyết tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn bà Phàn Xa C, ông Phàn Sìn N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phàn Chín H1 thống nhất trình bày:

Bố, mẹ của bà Phàn Xa C có để lại một phần diện tích đất nương địa chỉ tại bản S, xã H (cũ) cho vợ chồng bà C canh tác, sử dụng; Bà C không nhớ thời gian tặng cho, việc tặng cho bằng lời nói, không có văn bản và không chỉ vị trí, diện tích thửa đất. Khoảng năm 1979 gia đình nguyên đơn đánh dấu diện tích đất bằng con mương để khai ruộng và trồng lúa. Năm 1999 có ông Lò Văn C1 đến tranh chấp phần diện tích này với gia đình, sau đó xã hòa giải gia đình nguyên đơn tiếp tục được giao diện tích đất trên và tiếp tục sử dụng (việc hòa giải với ông C1 không có văn bản). Năm 2016 do đất bạc màu gia đình nguyên đơn không sử dụng. Năm 2017 có anh Phàn Văn L- bị đơn đến phát cỏ trồng sắn, nguyên đơn can ngăn nhưng anh L xin 01 năm để trồng sắn, hết 01 năm anh L không trả lại đất cho nguyên đơn. Năm 2021, nguyên đơn đưa máy xúc vào san gạt đất và hai bên tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã đã yêu cầu hai gia đình không sử dụng, diện tích đất tranh chấp này nguyên đơn, bố mẹ của nguyên đơn chưa đi kê khai, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn khẳng định đất của nguyên đơn

nên khởi kiện yêu cầu anh Phàn V Lùng trả phần đất cho nguyên đơn theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2025 với diện tích 4.282,3m².

Bị đơn anh Phàn Văn L trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bố anh canh tác từ lâu, anh không nhớ thời gian, sau đó bố không canh tác. Năm 2013, anh bắt đầu canh tác, sử dụng. Năm 2020 gia đình bà C cho máy xúc đến xúc đất và xảy ra tranh chấp, gia đình anh chưa từng mượn đất của gia đình bà C. Gia đình anh cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay giấy tờ gì liên quan đến thửa đất đang tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lý Xa L1 vợ anh L đồng ý với lời trình bày của anh L, phần đất tranh chấp gia đình chị sử dụng từ năm 2013, gia đình chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án sơ thẩm đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã, Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên môi trường thu thập được các tài liệu chứng cứ: Quyết định 836/QĐ-UB ngày 04/02/2003 của Ủy ban nhân dân huyện P, Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 15/03/2003 của xã H, Tờ trình số 15/TT-UB ngày 02/6/2003 của UBND xã H cùng về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tờ trình số 150/TT-ĐC ngày 02/8/2003 của phòng nông nghiệp, địa chính huyện P về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản số 46/TĐ-HSĐC ngày 29/12/2003 của sở tài nguyên môi trường tỉnh L về việc thẩm định hồ sơ giao đất lâm nghiệp, đất chưa sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định: 163/NĐ-CP của Chính phủ; Sổ địa chính, Sổ mục kê đều thể hiện: Thửa 161 tên chủ sử dụng đất là đồng sử dụng, diện tích thửa 161 là **504.505m²** gồm các hộ gia đình: Ông Tân C4 Sài diện tích 56056m², ông Lý Quang L4 diện tích 56056m², ông Lò Văn Q1 diện tích 56056m², ông Lò Văn L3 diện tích 56056m², ông Lý A P1 diện tích 56056m², ông Lò A C5 (Lò Văn C) diện tích 56057m², ông Phàn Dầu S2 diện tích 56056m², ông Tân Kìn S diện tích 56056m², ông Vàng Văn P diện tích 56056m². Trên cơ sở đó cấp sơ thẩm đưa 09 hộ gia đình trên tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Qua xác minh các 09 hộ gia đình trên hiện còn hộ ông Tân C6 Sài bà Lò Tả M, hộ ông Lý Quang L4 và bà Tân Lở M3, hộ ông Lò Văn Q1 và bà Giàng Lở M2, hộ ông Lò Văn L3 và bà Tân Xa N3, hộ ông Phàn Dầu L5 và bà Lý Xa N2, hộ ông Tân K1 Sìn bà Lý Xa M1, hộ ông Lò Văn C2 (Lò A) và bà Vàng Xa K nhưng tất cả các hộ đều trình bày gia đình các ông, bà không sử dụng thửa đất 161, không sử dụng diện tích đất hai bên tranh chấp; các ông, bà không biết gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 161. Các ông bà không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến gì, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã K xác định: phần diện tích đất tranh chấp từ thời điểm nhóm 09 hộ gia đình được giao theo Quyết định số 836/QĐ-UB ngày 04/02/2003 của Ủy ban nhân dân huyện P đến ngày 01/7/2025 Ủy ban nhân dân xã K chưa tiếp nhận, xử lý, chứng thực giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính gì đối với 09 hộ gia đình được giao đất. Hồ sơ giao đất theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 15/11/1999 của Chính phủ và Quyết định số 836/QĐ-UB ngày 04/02/2003 của Ủy

ban nhân dân huyện P thì 09 hộ gia đình đang được giao quyền sử dụng đất thửa 161, tờ bản đồ 01 nêu trên.

Người làm chứng ông L6 Văn Chín trình bày gia đình ông có phần đất tiếp giáp với phần đất bà C5 và anh L3 đang tranh chấp; gia đình ông canh tác từ năm 1990-1991. Khi gia đình ông canh tác thì có thấy một gia đình canh tác trên đất tranh chấp nhưng không biết gia đình nào, họ canh tác 03 năm thì bỏ, sau đó đến gia đình anh L3 đến canh tác từ 2013 đến 2023. Trong thời gian gia đình anh L3 canh tác thì ông có thấy năm 2021 bà C5 có đến nhổ sắn của anh L3 và trồng sắn vào và hai bên tranh chấp. Năm 2023, Ủy ban nhân dân xã H nhiều lần nhưng hai bên vẫn tranh chấp nên từ năm 2023 đến nay đất tranh chấp trên không ai canh tác.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2025: vị trí đất tranh chấp địa chỉ tại xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu cũ nay là xã K, tỉnh Lai Châu, đất tranh chấp là phần đất sườn đồi, trên đất có các cây bụi, cỏ dại xen lẫn các cây sắn được trồng khoảng 02 năm, cao khoảng 01 mét; nguyên đơn và bị đơn chỉ dẫn đất đều cùng vị trí, tứ cận, tiếp giáp giống nhau, phía Bắc và Đ bắc giáp đất ruộng của gia đình bà Phan Xa C; phía Tây và Tây nam giáp với khe nước; phía Nam và Đ nam giáp khe nước và phần đất của ông Phan Văn N4;

Mảng trích đo thửa đất tranh chấp: diện tích đất tranh chấp xác định nằm trong thửa 161, tờ bản đồ 01, diện tích 504.505m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 15/11/1999 của Chính phủ; phần đất nguyên đơn chỉ dẫn đo đạc có diện tích 4.282,3m² xung quanh là đất nhóm hộ; phần đất bị đơn chỉ dẫn đo đạc có diện tích 3.906,4m² xung quanh là đất nhóm hộ.

** Tại án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đã quyết định:*

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 227, 228, 229, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Các Điều 5, 6, 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 236 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Xa C, ông Phan Sin N về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu buộc bị đơn anh Phan Văn Lùng trả lại diện tích đất có diện tích là 4.282,3m², có địa chỉ tại bản S, xã K, tỉnh Lai Châu, có tứ cận như sau: phía Bắc và Đông B giáp với phần diện tích của bà Phan Xa C, phía T và Tây Nam giáp với khe nước, phía Nam và Đông Nam giáp với khe nước và một phần diện tích của ông Phan Văn N4 (theo sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2025 là các đường nét đứt có các số thứ tự từ 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-23-24-25-26-27)

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu tiến hành kiểm kê việc bàn giao, sử dụng, giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra Bản án còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/01/2026 nguyên đơn bà Phan Xa C, ông Phan Sin N kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị đơn có biết việc đất đai thuộc quản lý của nhà nước, nay đất đó đã cấp cho nhóm hộ gia đình bị đơn không ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và được thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 148, khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà C và ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 26/12/2025 của TAND Khu vực 3 - Lai Châu; miễn án phí phúc thẩm cho nguyên đơn vì là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất đã được hòa giải tại UBND xã nên Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu, xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 203 Luật đất đai 2013.

[1.2] Đơn kháng cáo của bà Phan Xa C, ông Phan Sin N gửi trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Phan Xa C, ông Phan Sin N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung vụ án trong phạm vi kháng cáo theo quy định tại các Điều 293, 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Sin N, Ủy ban nhân dân xã K, chị Lý Xa L1 (Ủy ban nhân dân và chị L1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) vắng mặt. Xét thấy: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đại diện ủy quyền, Ủy ban nhân dân xã K đã có đơn xin xét xử vắng, chị L1 được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do nhưng quyền lợi chị L1 chính là quyền lợi của bị đơn, do vậy việc vắng mặt nhưng người nêu trên không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ và quá trình giải quyết vụ án; còn người làm chứng đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 294, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn bà C ông N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn anh L3 phải trả lại toàn bộ diện tích đất nương là 4.282,3m² mà bị đơn đã mượn trồng sắn từ năm 2017 và bồi thường tiền trồng sắn của gia đình theo thời vụ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng nguồn gốc quyền sử dụng đất của mình phát sinh từ việc bố, mẹ tặng cho, để lại; Nguyên đơn, bị đơn cũng thừa nhận việc tặng cho, để lại không lập văn bản, không có diện tích, tứ cận; diện tích đất các đương sự sử dụng canh tác trồng lúa, sắn cũng chưa được bố, mẹ của nguyên đơn, bị đơn hay bản thân nguyên đơn, bị đơn đi kê khai hoặc có đơn đề nghị công nhận quá trình sử dụng diện tích đất. Như vậy, việc chứng minh nguồn gốc đất ngoài lời khai không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh Nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bà Phan Xa C và ông Phan Sin N, hay bị đơn anh Phan Văn L.

Về quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn bà C, ông N khai có sử dụng một thời gian, sau đó cho bị đơn sử dụng năm 2017, năm 2018 mới đòi nhưng bị đơn không trả, năm 2020 gia đình nguyên đơn phá sắn của bị đơn và đưa máy xúc vào san gạt thì bị đơn không cho san gạt dẫn đến tranh chấp. Bị đơn cũng sử dụng từ năm 2013 đến khi tranh chấp 2021. Như vậy, lời khai của nguyên đơn đã thể hiện rõ gia đình nguyên đơn không sử dụng liên tục từ khi sử dụng năm 1979 đến khi tranh chấp năm 2017, phù hợp với lời trình bày của người làm chứng chỉ biết từ năm 2013 đến nay đất do bị đơn sử dụng. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận biết đất bị đơn đang canh tác là của nhóm hộ nhưng do họ không sử dụng nay Nhà nước hoặc các hộ trên làm bị đơn đồng ý.

Nguyên đơn bà Phan Xa C, ông Phan Sin N còn cho rằng là đất lúa có con mương nhưng hồ sơ quản lý đất đai của cơ quan chuyên môn diện tích đất trên là đất được giao cho 09 hộ gia đình từ năm 2003 thuộc đất rừng. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp là đất sườn đồi, trên đất chỉ có cây bụi, cỏ dại xen lẫn cây sắn được 2 tuổi.

[3.2] Hồ sơ địa chính, sổ mục kê, mảng trích đo thửa đất tranh chấp đã xác định phần diện tích đất các bên tranh chấp thuộc một phần thửa đất 161; Thửa 161 diện tích 504505m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 15/11/1999 của Chính phủ cho 09 nhóm hộ gia đình đồng sử dụng, thuộc loại đất rừng. Danh sách các hộ sử dụng thửa đất 161 nêu trên không có tên của gia đình nguyên đơn và bị đơn.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật đất đai, quyền sử dụng đất chỉ được Nhà nước công nhận thông qua việc đăng ký, cụ thể tại Điều 95 luật đất đai 2013 quy định: *“đăng ký đất đai là bắt buộc đối với người sử dụng đất”*; và khoản 3 Điều 188 luật đất đai 2013 quy định điều kiện và hiệu lực của việc tặng cho quyền sử dụng đất *“phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”*.

Do đó, nguyên đơn bà C, ông N chỉ trình bày về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc quá trình sử dụng đất như lời trình bày cũng như những giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của luật đất đai nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4282,3m² của nguyên đơn là có căn cứ. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án để có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà C, ông N.

Đối với kháng cáo các nguyên đơn đề nghị anh L bồi thường tiền trồng sắn của gia đình theo thời vụ, xét thấy: Tại cấp sơ thẩm các nguyên đơn chỉ yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu anh L trả lại phần diện tích đất tranh chấp cho nguyên đơn, không có yêu cầu bồi thường. Yêu cầu bị đơn anh L bồi thường tiền trồng sắn của gia đình theo thời vụ là yêu cầu của nguyên đơn phát sinh tại cấp phúc thẩm, chưa đề nghị giải quyết tại cấp sơ thẩm. Mặt khác yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bị đơn anh L trả lại phần diện tích đất tranh chấp cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của các nguyên đơn.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, xác định phần diện tích các đương sự tranh chấp hiện là một phần của thửa 161, đang giao và cấp giấy chứng nhận cho 09 hộ gia đình theo Nghị định 163. Quyết định giao đất và cấp giấy trên đang có hiệu lực pháp luật. Nghị định 163/1999/NĐ-CP giao đất rừng cho các nhóm hộ khai thác sử dụng chung với mục đích để xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế nhưng thực tế 09 nhóm hộ trên không sử dụng và không biết sự việc được giao đất. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã kiến nghị Ủy ban nhân dân xã K, xem xét quá trình quản lý, sử dụng đất đai để đảm bảo việc quản lý đất đai phù hợp.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên bà Phàn Xa C, ông Phàn Sin N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, tuy nhiên xét ông, bà đều là người cao tuổi, thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông, bà theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phàn Xa C, ông Phàn Sin N.

nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST, ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phàn Xa C, ông Phàn Sin N.

3. Các Quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 26/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Thi hành án tỉnh Lai Châu;
- TAND khu vực 3,
- VKSND khu vực 3 ;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà